CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3388/2012/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003, Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ "Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất"; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất"; Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP; Thông tư số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính "Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Căn cứ Nghị quyết số 76/2012/NQ-HĐND ngày 12/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XII kỳ họp thứ 7 "Về việc phê duyệt phương án giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2013";

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 438/TTg-TNMT ngày 02/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2013 như sau:

1. Bảng giá đất ở; đất trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối đươc quy định tại Phụ lục số I kèm theo Quyết định này.

2. Giá các loại đất phi nông nghiệp khác, giá các loại đất nông nghiệp khác và giá đất chưa sử dụng được quy định tại Phụ lục số II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Giá các loại đất quy định tại Điều 1 của Quyết định này sử dụng làm căn cứ để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của Pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định ở Điều 1 Quyết định này.

3. Giá đất quy định trong Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- Tổ chức theo dõi, điều tra, khảo sát thu thập thông tin giá chuyển nhượng quyền sử dụng các loại đất trên địa bàn phục vụ cho việc xây dựng bảng giá đất hàng năm và giá đất theo quy định tại Điều 11 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Thực hiện công tác báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định.

- Bố trí kinh phí để đảm bảo cho công tác xây dựng giá đất năm 2014 và công tác theo dõi, thống kê tình hình biến động giá các loại đất tại địa phương

(cấp huyện và cấp xã) năm 2013 trong dự toán chi ngân sách địa phương, trường hợp trong dự toán chưa được bố trí thì phải bố trí kinh phí bổ sung (trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án giá đất được bố trí nguồn kinh phí riêng)

2. Trường hợp trong năm 2013 cần phải điều chỉnh, bổ sung bàng giá đất theo Điều 17 Thông tư số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính "Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án giá đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng các cơ quan liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định để sửa đổi, bổ sung vào bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định này.

Trường hợp xác định lại giá đất theo Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ "Về quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư" thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án giá gửi Sở Tài chính chủ trì cùng các cơ quan liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định riêng, không điều chỉnh, bổ sung vào bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013.

Điều 5: Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành chức năng và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Văn Thành

MỤC LỤC

I Phụ lục số 01 - Bảng giá đất ở, đất nông nghiệp
1 Thành phố Hạ Long
2 Thành phố Uông Bí
3 Thành phố Móng Cái
4 Thành phố Cẩm Phả
5 Huyện Hoành Bồ
6 Thị xã Quảng Yên
7 Huyện Đông Triều
8 Huyện Tiên Yên
9 Huyện Bình Liêu
10 Huyện Ba Chẽ
11 Huyện Hải Hà
12 Huyện Đầm Hà
13 Huyện Vân Đồn
14 Huyện Cô Tô
II Phụ lục số II - Giá các loại đất phi nông nghiệp, giá các loại đất nông nghiệp khác và giá đất chưa sử dụng